

Bản án số: 01/2023/DS - PT

Ngày 13 - 01 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Bà Trần Thị Khánh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Quốc Thị Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLPT-DS ngày 31/10/2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự số 10/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐ-PT ngày 21/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐ-PT ngày 07/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐ-PT ngày 22/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Phạm Thế B, sinh năm 1981;

- Chị Khổng Huyền T, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Thế B: Chị Khổng Huyền T - Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Xuân D - Luật sư, Văn phòng luật sư Q. Địa chỉ: Số nhà 138, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn V - Địa chỉ: Số 387, đường M, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Phạm Thế B và chị Khổng Huyền T trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 21/12/2020 vợ chồng anh Phạm Thế B, chị Khổng Huyền T có chuyển khoản góp vốn cùng chị Phạm Thị H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để buôn bán kinh doanh nông sản. Tuy nhiên việc kinh doanh không có lãi nên anh B, chị T rút vốn không làm ăn chung nữa nhưng chị H chưa có tiền trả lại nên hai bên thống nhất với nhau chuyển thành hình thức vay nợ có lãi suất.

Ngày 03/8/2021 anh B, chị T và chị H đã viết giấy vay tiền với nhau, theo đó chị H xác nhận còn nợ lại anh B, chị T số tiền gốc là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) lãi suất theo thoả thuận. Hạn trả nợ là ngày 31/01/2022. Tại bản tự khai ngày 11/8/2022 chị T trình bày lại tại thời điểm viết giấy vay nợ ngày 03/8/2021 chị H chỉ còn nợ anh B, chị T số tiền gốc là 435.000.000 đồng (Do các bên có sự nhầm lẫn trong việc tính gốc và lãi, thực tế tại thời điểm này chị H đã trả được cho anh B, chị T số tiền gốc là 65.000.000 đồng).

Từ ngày 03/8/2021 đến ngày 28/01/2022 chị H tiếp tục trả cho anh B, chị T số tiền gốc là: 30.000.000 đồng, như vậy tổng số tiền gốc chị H đã trả cho anh B, chị T là 95.000.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu đồng*).

Ngày 30/01/2022 anh B, chị T và chị H đã đến Công an xã P để làm việc, tại buổi làm việc chị H đã nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc là 370.000.000 đồng, hạn trả nợ là tháng 3 năm 2022 (Âm lịch). Tuy nhiên do nhầm lẫn về số tiền gốc và lãi nên hai bên đã thống nhất số tiền chị H còn nợ lại là 370.000.000 đồng, thực tế tại thời điểm này chị H còn nợ anh B, chị T số tiền gốc là 405.000.000 đồng. Về lãi suất: Chị T thừa nhận sau ngày 03/8/2021 (ngày viết giấy vay tiền) thì chị T đã nhận tiền lãi của chị H là: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Nay anh B và chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện là: **443.320.000** (*Bốn trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó:

- Số tiền nợ gốc là: 405.000.000 đồng (*Bốn trăm linh năm triệu đồng*).

- Về lãi suất vay trong hạn và lãi suất chậm trả: Chị Phạm Thị H phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi tương đương với 20% của tổng khoản vay/01 năm, tương đương với 1,6%/01 tháng kể từ ngày 03/8/2021 như sau: Tiền lãi suất vay trong hạn và lãi suất chậm trả tính đến ngày khởi kiện là 09 tháng: 58.320.000đồng (*Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên từ ngày 03/8/2021 anh B, chị T đã nhận số tiền lãi của chị H là 20.000.000 đồng, đến nay anh B, chị T yêu cầu chị H phải trả số tiền lãi là còn lại là: 38.320.000 đồng (*Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra trong vụ án này có anh Trần Xuân V là người cùng ký vào giấy vay tiền ngày 03/8/2021. Tuy nhiên toàn bộ quá trình làm ăn chung, các giao dịch trả gốc và lãi đều do chị H đứng ra thanh toán chuyển khoản không liên quan gì đến anh Trần Xuân V. Vì vậy anh B, chị T chỉ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Phạm Thị H và xác định anh Trần Xuân V chỉ là bạn làm ăn của chị H, không liên quan gì đến vụ án này.

Bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị Phạm Thị H có mối quan hệ với anh Trần Xuân V là bạn hàng buôn chung nhiều năm, chị H quan hệ với chị T là con cậu, con bác, anh B là chồng của chị T. Do có mối quan hệ thân quen nên chị, anh V và anh B, chị T cùng nhau buôn nông sản từ Lào Cai về Hà Nội, Hưng Yên. Sau khi thống nhất chị T chuyển tiền qua tài khoản cho chị 500.000.000 đồng để buôn chung, làm ăn được thời gian ngắn chị T, anh B xin rút vốn vì không có lãi suất, còn chị và anh V từ đó vẫn buôn bán chung với nhau. Sau khi chị T, anh B đòi rút vốn ba bên đã ngồi lại đối trừ tiền đã trả. Số còn lại chị T tự viết giấy vay tiền. Khi chị T, anh B rút vốn đòi lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Chị không chấp nhận vì lãi cao nhưng anh B, chị T không nhất trí vẫn ép chị phải trả, nên chị đã ký giấy vay tiền và đã phải trả lãi theo yêu cầu của anh B, chị T. Theo bảng kê chi tiết gửi Tòa án thì chị H đã thanh toán cho anh B, chị T tổng số tiền gốc và lãi là 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) vào số tài khoản số 220204227 của chị T mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh tỉnh Lào Cai (VPbank Lào Cai). Chị H yêu cầu phải trừ vào tổng số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Đến nay số tiền gốc chị H còn nợ vợ chồng anh B, chị T chỉ còn lại là 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm chị H xác nhận: Khi góp vốn chị có thỏa thuận với chị T, anh B là chị sẽ đứng ra để có trách nhiệm trả số tiền góp vốn cho chị T, anh B. Tuy nhiên từ ngày chị và anh Trần Xuân V cùng ký vào giấy vay tiền ngày 03/8/2021 đến nay thì cả chị cùng anh V cùng quản lý, sử dụng số tiền này để làm ăn chung. Vì vậy số tiền này thì cả chị cùng anh V đều có trách nhiệm trả cho chị T, anh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân V trình bày:

Anh Trần Xuân V tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cấp phúc thẩm. Ngày 19/12/2022 anh V có đơn kiến nghị với nội dung sau: Anh đồng ý với ý kiến của chị H về việc góp vốn làm ăn chung của chị T, anh B. Sau khi chị T, anh B đòi rút vốn ba bên đã ngồi lại trừ

tiền đã trả, số còn lại chị T tự viết giấy vay tiền, tôi và chị H đã phải ký vào giấy vay tiền, nhưng thực tế thì đây là khoản tiền làm ăn chung chứ không phải tiền anh V và chị H vay của chị T, anh B. Khi ký chị T, anh B còn bắt anh V viết thêm dòng chữ “Tôi đã nhận của chị T, anh B 450.000.000 đồng”. Đến nay anh V mới được biết chị T, anh B đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị H phải trả cho chị T, anh B tổng số tiền gốc và tiền lãi là 433.320.000đồng. Tuy nhiên khi Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng giải quyết vụ án thì chị H không thông tin cho anh biết để anh có ý kiến với TAND huyện Bảo Thắng. Anh V cho rằng giữa anh với anh B, chị T và chị H cùng có quyền lợi ích liên quan đến nhau. Anh V đề nghị được tham gia tố tụng trong vụ án để cung cấp các chứng cứ về việc làm ăn chung.. Do đó anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2022/DS - ST ngày 28/9/2022 của TAND huyện Bảo Thắng về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, chuyển hồ sơ vụ án để giải quyết lại và đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án để giải quyết dứt điểm vụ việc.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thế B và chị Khổng Huyền T:

Xử buộc chị Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Phạm Thế B và chị Khổng Huyền T số tiền nợ gốc là: 395.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi năm triệu đồng*) và tiền lãi là: 38.320.000 đồng (*Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi chị Phạm Thị H Hiền phải thanh toán cho anh Phạm Thế B, chị Khổng Huyền T là: 433.320.000đồng (*Bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/10/2022, bị đơn chị Phạm Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, với nội dung kháng cáo:

1. Tuyên vô hiệu giấy vay nợ giữa bên cho vay anh Phạm Thế B bên vay tiền Phạm Thị H và anh Trần Xuân V vào ngày 03/8/2021 với số tiền 45.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Tuyên hợp đồng hợp tác mua bán chung hàng nông sản là gừng có hiệu lực.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Khổng Huyền T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Phạm Thị H là ông Bùi Xuân D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng đã thực hiện không đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự như: Thiếu người tham gia tố tụng là anh Trần Xuân V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tuyên án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị H có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị H, nội dung kiến nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn V:

Do có mối quan hệ thân quen nên chị, anh V và anh B, chị T cùng nhau buôn nông sản từ Lào Cai về Hà Nội, Hưng Yên. Sau khi thống nhất chị T chuyển tiền qua tài khoản cho chị 500.000.000 đồng để buôn chung, làm ăn được thời gian ngắn chị T, anh B xin rút vốn vì không có lãi suất, còn chị H và anh V từ đó vẫn buôn bán chung với nhau. Sau khi chị T, anh B đòi rút vốn ba bên đã ngồi lại đối trừ tiền đã trả. Số còn lại chị T tự viết giấy vay tiền. Việc các bên tự nguyện thỏa thuận việc rút vốn làm ăn chung, tự nguyện viết và ký vào giấy vay tiền, thể hiện ý chí của các bên tham gia là phù với quy định của pháp luật.

Theo nội dung trong Đơn kiến nghị ngày 19/12/2022 anh Trần Xuân V có ý kiến đồng ý với ý kiến của chị H về việc góp vốn làm ăn chung của chị T, anh B. Sau khi chị T, anh B đòi rút vốn ba bên đã ngồi lại trừ tiền đã trả, số còn lại chị T tự viết giấy vay tiền, anh V và chị H đã phải ký vào giấy vay tiền. Khi ký chị T, anh B còn yêu cầu anh V viết thêm dòng chữ “Tôi đã nhận của chị T, anh B 450.000.000đồng”. Đến nay anh V mới được biết chị T, anh B đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho chị T, anh B tổng số tiền gốc và tiền lãi là 433.320.000 đồng. Tuy nhiên đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh B thì anh không đồng ý, anh V đề nghị được tham gia tố tụng trong vụ án để cung cấp các chứng cứ về việc làm ăn chung và khoản nợ không như anh B, chị T đã khởi kiện.

Xét thấy: Sau khi rút vốn góp làm ăn chung các bên đã thống nhất chuyển số tiền vốn góp còn lại bằng giấy vay tiền. Tại giấy vay tiền ngày 03/8/2021 thì anh Trần Xuân V và chị Phạm Thị H đều ký vào giấy vay tiền. Hơn nữa khoản tiền vay này hiện chị H cùng anh V hiện nay vẫn sử dụng vào việc làm ăn chung với nhau, hiện chị H và anh V đều xác định hai người có trách nhiệm trả cho anh B, chị T số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đương sự không đề nghị đưa anh V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nhưng anh V có liên quan đến vụ án về quyền lợi, nghĩa vụ, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa anh V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự mới đúng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[3] Từ những nhận định trên, nhận thấy nội dung kiến nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân V và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trên là có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo chị Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 148, Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003063 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện Bảo Thắng;
- Chi cục THADS huyện Bảo Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Thanh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long

Trần Thị Khánh Vân

Chu Văn Thanh

